

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 131/2017/DS-PT

Ngày 29/9/2017

V/v: Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huân.

Các thẩm phán: Ông Trần Duy Tuấn và bà Lưu Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 29/9/2017, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2017/TLPT-DS ngày 08/8/2017 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2017/DS-ST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 148/2017/QĐXX-PT ngày 05/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2015/QĐ-PT ngày 19/9/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Q - Có mặt.

Địa chỉ: Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái Th - Có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 27/12 2016).

Địa chỉ: Đường C, quận Q, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Thị Minh H (Lê Thị H) - Có mặt.

Địa chỉ: Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Xuân Anh P - Có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2016)

Địa chỉ: Đường N, thành phố M, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Hoàng Xuân S
- Văn phòng luật sư Hoàng Xuân S, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh
- có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Mạnh T - Vắng mặt

Địa chỉ: Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Nguyễn Văn H - Vắng mặt

Địa chỉ: Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các nguyên đơn là bà Phạm Thị V, bà Nguyễn Thị L và bị đơn là bà Lê Thị Minh H, ông Hoàng Mạnh T nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/8/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/8/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/3/2017 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Q trình bày: Năm 2008 và năm 2009, bà Lê Thị Minh H vay bà tiền, vàng và cà phê cụ thể như sau:

Ngày 02/6/2008, bà H vay bà 40.000.000đ; ngày 23/6/2008, bà H vay bà 150.000.000đ; ngày 05/9/2008, bà H vay bà 30.000.000đ; ngày 20/9/2008, bà H vay bà 40.000.000đ; ngày 04/10/2008, bà H vay bà 30.000.000đ; ngày 10/10/2008, bà H vay bà 30.000.000đ; ngày 24/10/2008, bà H vay bà 70.000.000đ; ngày 05/9/2008, bà H vay bà 03 tấn cà phê nhân xô; ngày 05/8/2008, bà H vay bà 02 lượng vàng; ngày 10/8/2008, bà H vay bà 03 lượng 02 chỉ vàng; ngày 28/10/2008, bà H vay bà 04 lượng vàng. Tổng cộng, bà H vay bà trong năm 2008 là 309.000.000đ, 09 lượng 02 chỉ vàng và 03 tấn cà phê nhân xô.

Ngày 16/9/2009, bà H vay bà 300.000.000đ; ngày 01/11/2009, bà H vay bà 28 lượng 02 chỉ vàng và 390.000.000đ; ngày 20/11/2009, bà H vay bà 03 tấn cà phê nhân xô. Tổng cộng bà H đã vay bà trong năm 2008 và năm 2009 là 06 tấn cà phê nhân xô, 37 lượng 04 chỉ vàng (trong đó có 34 lượng 04 chỉ vàng 99,99% và 03 lượng vàng SJC) và 1.080.000.000đ. Mặc dù bà đã đòi nhiều lần nhưng bà H không trả. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà H phải trả cho bà toàn bộ số tiền, vàng, cà phê đã vay và tính lãi suất đối với số tiền, vàng, cà phê đã vay là 1.428.700.000đ.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn là bà Lê Thị Minh H trình bày: Trong năm 2008, bà có vay bà Hoàng Thị Q tiền, vàng và cà phê nhiều lần, để cho người khác vay lại. Ngày 01/9/2009, hai bên đối chiếu công nợ, bà còn nợ bà Q 390.000.000đ, 03 tấn cà phê nhân xô và 28 lượng 02 chỉ vàng. Vì vậy, ngày 01/9/2009, bà đã viết giấy vay bà Q số tiền, vàng và cà phê nêu trên. Thực tế ngày 01/9/2009, bà không vay bà Q tiền, vàng và cà phê; giấy vay ngày 01/9/2009, mà bà viết vào sổ bà Q, thực tế là bản xác nhận công nợ giữa hai bên; bà đã trả cho bà Q 87 chỉ vàng 99,99%, chuyển quyền sử dụng đất cho bà Q 01 thửa đất có giá trị 840.000.000đ để khấu trừ nợ; bà thông qua anh Nguyễn Văn H là con rể bà đồng thời là cháu bà Q, trả cho bà Q 380.000.000đ; đối với số tiền 300.000.000đ bà viết giấy vay bà Q vào ngày 19/6/2009, bà chưa nhận khoản tiền này. Vì bà vay số tiền này, để cho người khác vay lại nhưng giữa bà và người vay lại chưa thỏa thuận được về lãi suất, nên bà không nhận tiền vay từ bà Q, vì vậy bà không ký tên sau khi viết giấy vay tiền bà Q.

Bà đã trả cho bà Q tất cả các khoản tiền, vàng và cà phê đã vay; hiện tại bà không còn nợ bà Q khoản vay nào.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Mạnh T trình bày: Ông là chồng bà Lê Thị Minh H; việc bà H vay bà Q tiền, vàng, cà phê nhân xô ông hoàn toàn không biết; ông cũng không sử dụng số tài sản mà H đã vay bà Q; khi bà Q đến nhà đòi trả nợ, ông mới biết bà H đã vay tài sản bà Q; ông và bà H đã chuyển quyền sử dụng đất cho bà Q 720m² đất, tại thị trấn K, huyện K là tài sản chung của ông và H, để khấu trừ khoản nợ mà bà H đã vay bà Q.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh là con rể của bà Lê Thị Minh H, là cháu bà Hoàng Thị Q, gọi bà Q là dì. Vào khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2013, bà H đưa cho anh 300.000.000đ trả nợ cho bà Q và anh đã giao số tiền nêu trên cho bà Q; việc bà H đưa tiền cho anh và anh giao tiền cho bà Q không viết giấy tờ, cũng không có ai là người làm chứng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 20/6/2017 của TAND huyện Krông Năng đã căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 266, Điều 273 BLTTDS; khoản 2 Điều 155, Điều 688 BLDS năm 2015; Điều 256 BLDS năm 2005; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị Q.

Buộc bà Lê Thị Minh H và ông Hoàng Mạnh T phải liên đới trả cho bà Hoàng Thị Q 240.000.000đ, 259 chỉ vàng 99,99% 03 cây vàng SJC và 6.000kg cà phê nhân xô.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Q đối với số tiền 2.793.154.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử buộc bà H và ông T phải trả cho bà Phạm Thị V 509.000.000đ, trả cho bà Nguyễn Thị L 120.000.000đ; tiếp tục giữ nguyên quyết định Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2016/QĐ-BPKCTT ngày 28/12/2016 của TAND huyện Krông Năng; tuyên lãi suất chậm thi hành án, quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 3/7/2017, bị đơn là bà Lê Thị Minh H có đơn kháng cáo với lý do: Trong năm 2008, bà vay bà Q tiền, vàng và cà phê nhiều lần; ngày 01/9/2009, bà và bà Q đối chiếu công nợ, bà còn nợ bà Q 390.000.000đ, 28 lượng 02 chỉ vàng, 03 tấn cà phê, nên bà đã viết và ký nhận vào sổ bà Q, đã vay số tài sản nêu trên.

Ngày 19/6/2009, bà viết giấy vay bà Q 300.000.000đ để cho người khác vay lại nhưng bà chưa nhận tiền vay, nên bà không ký tên vào giấy vay tiền.

Trong thời gian từ ngày 18/8/2009 đến ngày 28/8/2012, bà đã trả cho bà Q 87 chỉ vàng; ngày 19/12/2012, vợ chồng bà chuyển quyền sử dụng đất cho bà Q 720m² đất tại thị trấn K khấu trừ nợ 840.000.000đ; năm 2013, bà đưa cho anh Nguyễn Văn H 380.000.000đ trả nợ cho bà Q; bà không còn nợ bà Q khoản vay nào, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Ngày 03/7/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Mạnh T có đơn kháng cáo với lý do: Việc vợ ông là bà H vay bà Q tiền, vàng và cà phê ông không biết, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông cùng với bà H liên đới trả nợ cho bà Q là không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án và hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2016/QĐ-BPKCTT ngày 28/12/2016 của TAND huyện Krông Năng.

Ngày 04/7/2017, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Q có đơn kháng cáo với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà H phải trả cho bà 840.000.000đ và 87 chỉ vàng là không có căn cứ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử buộc bà H phải trả cho bà số tiền và vàng nêu trên; ngày 10/8/2017, bà Q có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử buộc bà Q phải trả cho bà tiền lãi suất đối với số tiền, vàng và cà phê mà bà H đã vay của bà.

Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 410/QĐKNPT-DS ngày 04/7/2017, của Viện trưởng VKSND huyện Krông Năng, kháng nghị bản án sơ thẩm nêu trên với lý do: Bà Q khởi kiện yêu cầu bà H phải trả tiền lãi suất đối với số tiền, vàng, cà phê đã vay nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét về lãi suất, là giải quyết vụ án chưa đầy đủ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q đối với số tiền 840.000.000đ và 87 chỉ vàng nhưng không buộc bà Q phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận, là trái với quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm tính số tiền án phí dân sự sơ thẩm là chưa đúng và áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính án phí là sai lầm, vì vụ án thụ lý ngày 21/8/2016, thì phải áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 để tính án phí, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử sửa bản án sơ thẩm những vấn đề nêu trên.

Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Krông Năng là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn là bà Hoàng Thị Q rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và rút một phần đơn khởi kiện về việc yêu cầu bà Lê Thị Minh H phải trả cho bà số tiền 840.000.000đ, 87 chỉ vàng và tiền lãi suất; bị đơn đồng ý việc rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà bà Q đã rút. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà H, VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ vào các giấy vay tài sản mà bà H đã viết và ký tên, thì trong năm 2008 và năm 2009, bà H đã vay bà Q 06 tấn cà phê nhân xô, 37 lượng 04 chỉ vàng và 1.080.000.000đ tiền mặt; bà H đã trả cho bà Q 87 chỉ vàng và chuyển quyền sử dụng đất cho bà Q 720m² đất tại thị trấn K, huyện K có giá trị 840.000.000đ để khấu trừ số tiền nợ đã vay. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H và ông Hoàng Mạnh T phải liên đới trả cho bà Q 6.000kg cà phê nhân xô, 240.000.000đ, 25 lượng 07 chỉ vàng 99,99% và 03 lượng vàng SJC, mà

bà H đã vay bà Q là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Krông Năng, sửa bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Q rút toàn bộ kháng cáo và rút một phần đơn khởi kiện về việc yêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền 840.000.000đ, 87 chỉ vàng và tiền lãi suất vay; bị đơn là bà Lê Thị Minh H đồng ý việc bà Q rút một phần đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bản án sơ thẩm nhận định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc buộc bà H phải trả cho bà số tiền 840.000.000đ, 87 chỉ vàng; lẽ ra phần quyết định của bản án phải tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc buộc bà H phải trả cho bà số tiền và vàng nêu trên, buộc bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Q đối với số tiền 840.000.000đ, 87 chỉ vàng và lãi suất vay, là trái với quy định của pháp luật, vi phạm về thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn là bà Q rút một phần đơn khởi kiện đối với số tiền, vàng nêu trên và lãi suất vay; bị đơn là bà H đồng ý việc bà Q rút một phần đơn khởi kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà bà Q đã rút.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Hoàng Thị Q rút toàn bộ kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Q.

Ông Hoàng Mạnh T là người kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Mạnh T.

Xét đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định, nên hợp lệ.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Lê Thị Minh H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thì trong thời gian từ ngày 02/6/2008 đến ngày

24/10/2008, bà H vay tiền bà Q nhiều lần, với tổng số tiền 390.000.000đ; ngày 05/9/2008, bà H vay bà Q 03 tấn cà phê nhân xô; ngày 05/8/2008, bà H vay bà Q 02 lượng vàng; ngày 10/8/2008, bà H vay bà Q 03 lượng 02 chỉ vàng; ngày 28/10/2008, bà H vay bà Q 04 lượng vàng. Tổng số tài sản bà H vay bà Q trong năm 2008 là 390.000.000đ, 03 tấn cà phê nhân xô và 09 lượng 02 chỉ vàng; bà H thừa nhận đã vay bà Q số tài sản nêu trên; chữ viết và chữ ký trên các giấy vay tài sản, là do bà viết và ký tên.

Giấy vay tiền ngày 19/6/2006, do bà H viết với nội dung: Chị H vay Q 300.000.000đ nhưng không ký tên; ngày 01/9/2009, bà H vay bà Q 28 lượng 02 chỉ vàng. Trong cuốn sổ cho vay tài sản trong năm 2009 do bà Q cung cấp, tại một trang khác trong cuốn sổ bà H viết: H mượn 03 tấn cà phê nhân xô, không ghi ngày, tháng, năm đã mượn 03 tấn cà phê. Bà H thừa nhận chữ viết, chữ ký trên các giấy vay tài sản bà Q trong năm 2009, là chữ viết, chữ ký của bà.

Bà H kháng cáo cho rằng ngày 01/9/2009, bà và bà Q đối chiếu công nợ năm 2008, tính đến ngày 01/9/2009 bà còn nợ bà Q 390.000.000đ và 28 lượng 02 chỉ vàng, nên bà viết giấy vay bà H số tài sản nêu trên; thực tế ngày 01/9/2009, bà không vay tài sản bà H. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, số tài sản mà bà H vay bà Q trong năm 2008 là 390.000.000đ tiền mặt, 09 lượng 02 chỉ vàng và 03 tấn cà phê nhân xô. Trong giấy vay tiền ngày 01/9/2009, không có khoản vay 03 tấn cà phê; số vàng bà H vay bà Q là 28 lượng 02 chỉ vàng, khác với số lượng vàng mà bà H đã vay bà Q trong năm 2008 là 09 lượng 02 chỉ vàng. Bà Q cho rằng, đây là số tài sản mà bà H vay bà vào ngày 01/9/2009 là có căn cứ.

Bà H kháng cáo cho rằng ngày 19/6/2009, bà chưa nhận tiền vay từ bà Q 300.000.000đ, nên không ký tên vào giấy vay tiền. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, giấy vay tiền ngày 19/6/2009 do bà H viết thể hiện ý chí của bà đã vay bà Q số tiền nêu trên; bà H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh chưa nhận số tiền vay từ bà Q.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng số tài sản bà H đã vay bà Q trong năm 2008 và năm 2009 gồm: 06 tấn cà phê nhân xô, 37 lượng 04 chỉ vàng và 1.080.000.000đ tiền mặt, là có căn cứ.

Về số tiền và vàng, bà H đã trả cho bà Q: Mặc dù bà H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đã trả cho bà Q số tài sản đã vay. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện ngày 10/8/2016 (BL 04) và bản tự khai ngày 12/9/2016 (BL 28), bà Q thừa nhận trong thời gian từ ngày 18/8/2009 đến ngày 28/6/2012, bà H đã trả cho bà bốn lần, tổng cộng 08 lượng 07 chỉ vàng; ngày 19/10/2012, vợ chồng bà H đã chuyển quyền sử dụng đất cho bà, thửa đất có diện tích 720m² tại thị trấn K, huyện K có giá trị 840.000.000đ để khấu trừ số tiền nợ đã vay. Xét lời trình bày của bà Q trong đơn

khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, là hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của bà H về việc đã trả cho bà Q khoản nợ nêu trên.

Bà H kháng cáo cho rằng đã trả đầy đủ các khoản nợ đã vay bà Q nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đã trả đầy đủ số tài sản đã vay bà Q; bà H cho rằng năm 2013, bà đã đưa cho anh Nguyễn Văn H 380.000.000đ trả nợ tiền vay bà Q; anh H cho rằng đã giao trả cho bà Q 300.000.000đ nhưng bà Q không thừa nhận, anh H cũng không chứng minh được đã giao cho bà Q số tiền nêu trên.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc bà Lê Thị Minh H và ông Hoàng Minh T phải liên đới trả cho bà Hoàng Thị Q 6.000kg cà phê nhân xô; 25 lượng 07 chỉ vàng 99,99%, 03 lượng vàng SJC và 240.000.000đ là có căn cứ; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Minh H.

Về án phí sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án vào ngày 31/8/2016 nhưng lại áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội để tính án phí, là trái với quy định của pháp luật và tính số tiền án phí dân sự sơ thẩm chưa đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Krông Năng, sửa bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm và áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 để tính án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử lấy giá bán ngày xét xử sơ thẩm (20/6/2017): 01 chỉ vàng 99,99% = 3.448.000đ; 01 lượng vàng SJC = 36.130.000đ; 01kg cà phê nhân xô = 45.300đ, để tính án phí.

Tổng giá trị tài sản bà H và ông T phải chịu án phí DSST: số tiền phải trả cho bà Phạm Thị V 509.000.000đ; số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị L 120.000.000đ; số tài sản phải trả cho bà Hoàng Thị Q 6.000kg cà phê nhân xô, 240.000.000đ, 25 lượng 07 chỉ vàng 99,99% và 03 lượng vàng SJC là 2.135.326.000đ.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên bà Lê Thị Minh H kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; bà Hoàng Thị Q rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Mạnh T từ bỏ việc kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Lê Thị Minh H; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Krông Năng, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Điều 471, Điều 474 BLDS năm 2005; Điều 25 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2,

khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Q

1. Buộc vợ chồng bà Lê Thị Minh H, ông Hoàng Mạnh T phải liên đới trả cho bà Hoàng Thị Q 6.000kg cà phê nhân xô, 240.000.000đ, 25 lượng 07 chỉ vàng 99,99% và 03 lượng vàng SJC.

2. Căn cứ Điều 299 BLTTDS: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Q về việc buộc bà Lê Thị Minh H phải trả cho bà số tài sản đã vay 840.000.000đ, 08 lượng 07 chỉ vàng 99,99% và lãi suất vay.

3. Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 3 Điều 289 BLTTDS: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị Q và yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Mạnh T.

4. Về án phí:

Bà Lê Thị Minh H và ông Hoàng Mạnh T phải chịu 74.706.520đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số: 0002527 ngày 11/7/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp.

Bà Hoàng Thị Q phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số: 0002539 ngày 13/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Ông Hoàng Mạnh T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số: 0002527 ngày 11/7/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Huân